

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/5/2024		●	
Tuần 20/5-24/5/2024		●	
Tháng 05/2024		●	

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Thị trường bật lên đầu phiên sáng, tuy nhiên áp lực chốt lời tại ngưỡng 1,285 đã đẩy chỉ số xuống đóng cửa tại mốc 1,266.91 điểm, giảm hơn 10 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 11/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Tài nguyên cơ bản dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Thực phẩm và đồ uống,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Lực bán hôm nay khá lớn khi thanh khoản tăng. Chỉ số vẫn đang giằng co tại vùng giá cao. Trong trường hợp xấu, VN-Index có thể tiếp tục giảm xuống ngưỡng 1,250 trong ngắn hạn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 22/05/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-10.23** điểm, đóng cửa tại **1266.91** điểm. HNX-Index **+1.86** điểm, đóng cửa tại **245.15** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **FPT (+0.64)**, **HVN (+0.37)**, **LPB (+0.29)**, **PDR (+0.19)**, **MWG (+0.18)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPB (-0.95)**, **VIC (-0.88)**, **CTG (-0.84)**, **HPG (-0.78)**, **TCB (-0.68)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **24,254** tỷ đồng, tăng **18.17%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **28,003** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **19.19** điểm. Thị trường có **173** mã tăng, **50** mã tham chiếu, **291** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-856.92** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-126.96 tỷ)**, **VIC (-113.13 tỷ)**, **HPG (-81.10 tỷ)**, **VNM (-79.39 tỷ)**, **FPT (-76.32 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **21.83** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.15%**. Các mã diễn biến tích cực: **VPB (+2.06%)**, **HPG (+1.27%)**, **MSN (+1.19%)**.
- BSC50 **+0.76%**. Các mã diễn biến tích cực: **HDG (+6.83%)**, **VSC (+4.43%)**, **EIB (+4.23%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.15%	0.76%	0.35%	0.18%
1 tuần	3.21%	3.62%	2.65%	2.96%
1 tháng	0.24%	0.60%	-0.11%	-0.16%
3 tháng	5.49%	0.51%	1.42%	3.35%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,266.91	245.15	94.70
% 1D	-0.80%	0.76%	0.26%
GTGD (tỷ VND)	24,254	2,664	1,762
%1D	18.17%	22.56%	-21.33%
GDNN (tỷ VND)	-856.92	21.83	-922.29

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
NLG	62.07	VHM	-126.96
HCM	48.67	VIC	-113.13
DBC	40.87	HPG	-81.10
PDR	40.26	VNM	-79.39
NVL	38.18	FPT	-76.32

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,321	0.25%	1.42%
FTSE100	8,389	-0.33%	-0.68%
Eurostoxx	5,028	-0.28%	-1.35%
Shanghai	3,159	0.02%	1.24%
Nikkei	38,618	-0.86%	0.62%

Nguồn: Bloomberg

Giá trị %

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	82.23	-0.78%
Giá vàng	2,419	-0.11%

Tỷ giá

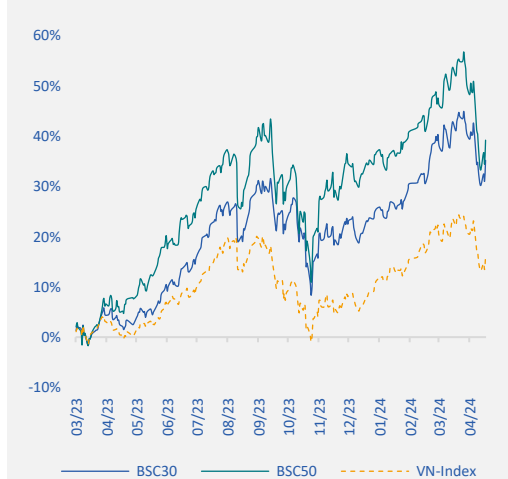
USD/VND	25,466	0.01%
EUR/VND	28,396	0.00%
JPY/VND	167	0.60%

Lãi suất

LS TPCP 10Y	2.9%	0.10%
LS LNH 1M	4.7%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	138.00	1.47%	0.64	1.27
HVN	22.60	2.96%	0.37	2.21
LPB	23.25	1.97%	0.29	2.56
PDR	26.50	3.92%	0.19	0.74
MWG	61.00	0.83%	0.18	1.46

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	18.20	4.60%	0.54	0.89
NTP	53.90	10.00%	0.51	0.13
NVB	10.40	9.47%	0.40	0.56
IDC	63.60	2.09%	0.32	0.33
DTD	33.80	9.74%	0.12	0.05

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FIR	7.58	6.99%	0.01	0.93
SFG	12.90	6.98%	0.01	0.07
HAS	8.41	6.90%	0.00	0.00
PAC	40.60	6.90%	0.03	0.21
LSS	11.65	6.87%	0.02	4.03

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTP	49.00	10.00%	2.66	0.30
HTC	23.10	9.96%	0.16	0.00
PEN	6.10	9.84%	0.01	0.00
CSC	29.60	9.80%	0.38	0.07
KSQ	4.10	9.76%	0.05	1.32

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	18.30	-2.66%	-0.95	7.93
VIC	45.50	-2.05%	-0.88	3.82
CTG	33.00	-1.93%	-0.84	5.37
HPG	31.30	-1.73%	-0.78	5.81
TCB	46.40	-1.69%	-0.68	3.52

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

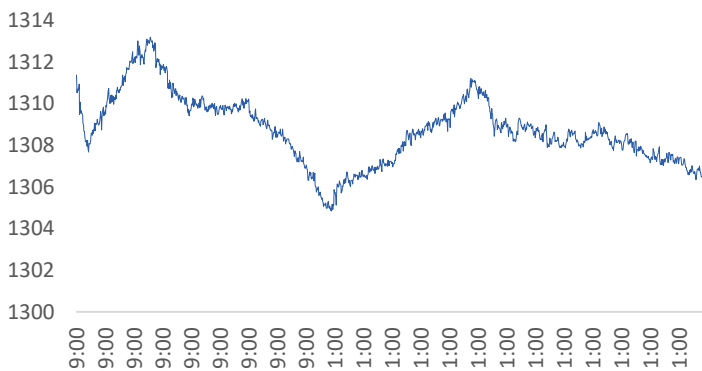
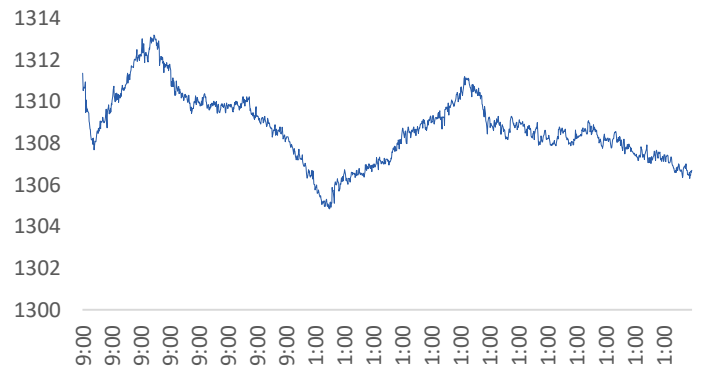
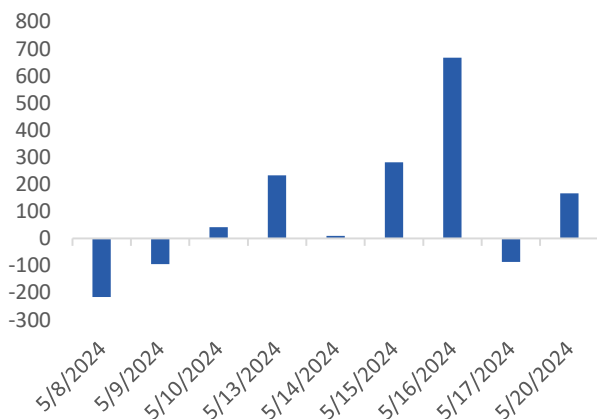
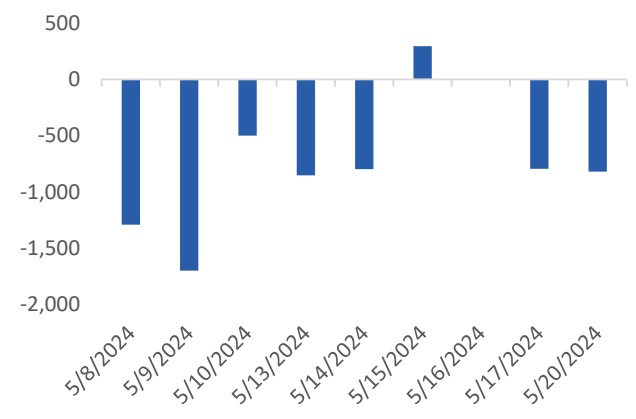
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	45.00	-0.88%	-0.14	0.48
SHS	19.30	-1.03%	-0.12	0.81
PVI	53.00	-0.93%	-0.08	0.23
CDN	31.00	-2.52%	-0.06	0.10
THD	35.50	-0.56%	-0.06	0.38

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TNC	55.80	-6.99%	-0.02	0.00
CIG	5.70	-6.84%	0.00	0.19
S4A	41.00	-6.59%	-0.03	0.00
SFC	22.00	-6.14%	0.00	0.00
CAV	70.90	-5.22%	-0.05	0.06

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TKU	16.20	-9.88%	-0.26	0.00
HMR	32.70	-9.79%	-0.06	0.10
TXM	5.80	-8.62%	-0.01	0.17
ALT	14.80	-8.11%	-0.02	0.00
MKV	9.90	-8.08%	-0.01	0.00

Hình 1
HSX-Index Intraday

Hình 2
HNX-Index Intraday

Hình 3
Giao dịch tự doanh

Hình 4
Giao dịch khối ngoại


DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	90.7	-0.40%	0.6	19,917	4.8	5,838	15.5	-	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	49.8	-0.40%	1.0	11,154	4.8	3,841	13.0	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	18.3	-7.60%	1.0	5,704	16.2	1,397	13.1	-	27.4%	Link
TCB	Ngân hàng	46.4	-1.70%	1.1	6,422	26.7	5,600	8.3	-	22.3%	Link
MBB	Ngân hàng	23.2	-1.70%	1.0	4,819	18.3	3,818	6.1	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	28.0	-1.10%	1.0	2,074	8.6	4,206	6.7	-	23.3%	Link
CTG	Ngân hàng	33.0	-1.90%	1.2	6,962	15.1	3,751	8.8	-	297.0%	Link
ACB	Ngân hàng	28.0	-0.90%	0.8	4,265	10.2	4,072	6.9	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	36.4	-1.00%	1.3	2,161	32.5	1,704	21.4	-	43.9%	Link
IDC	Xây dựng	63.6	2.10%	1.2	825	11.1	5,880	10.8	65,700	23.0%	Link
HPG	VLXD	31.3	-1.70%	1.2	7,151	48.9	1,601	19.6	41,500	25.4%	Link
HSG	VLXD	22.0	0.70%	1.6	531	13.4	1,423	15.4	-	20.0%	Link
VHM	BĐS	40.4	0.40%	1.1	6,903	18.9	5,074	8.0	108,300	17.9%	Link
KDH	BĐS	36.6	0.30%	1.4	1,149	6.2	726	50.4	44,500	40.0%	Link
NLG	BĐS	45.1	2.30%	1.5	682	7.8	1,040	43.4	-	49.0%	Link
DGC	Hóa chất	125.9	-0.10%	1.5	1,879	14.0	7,845	16.0	115,000	19.3%	Link
DCM	Phân bón	38.8	-0.10%	1.3	806	6.2	2,313	16.8	46,100	9.2%	Link
GAS	Dầu khí	76.6	-0.10%	0.6	6,912	2.5	4,688	16.3	-	2.2%	Link
PVS	Dầu khí	45.0	-0.90%	0.9	845	10.7	1,992	22.6	-	20.7%	Link
PVD	Dầu khí	32.5	-1.20%	1.2	710	8.3	1,200	27.1	38,400	17.7%	Link
POW	Dầu khí	11.4	0.40%	0.7	1,044	5.6	350	32.5	17,100	3.6%	Link
VHC	Thủy sản	75.9	-2.10%	1.2	669	5.3	3,774	20.1	108,500	31.2%	Link
GMD	Logistics	84.0	-1.50%	0.9	1,025	5.6	8,430	10.0	90,400	47.9%	Link
VNM	Bán lẻ	65.8	-0.60%	0.6	5,403	9.4	4,408	14.9	93,100	51.2%	Link
MSN	Bán lẻ	73.9	-2.50%	1.3	4,371	24.3	215	343.2	-	26.3%	Link
MWG	Bán lẻ	61.0	0.80%	1.5	3,504	21.4	717	85.1	-	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	98.1	0.10%	1.0	1,290	6.1	5,860	16.7	112,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	63.8	-1.50%	1.9	419	5.4	2,200	29.0	66,600	23.9%	Link
FPT	Bán lẻ	138.0	1.50%	0.9	6,886	24.5	5,335	25.9	107,900	49.0%	Link
CTR	Hạ tầng	129.1	-0.20%	1.1	580	2.0	4,582	28.2	-	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	24.4	-1.40%	0.9	2,786	5.5	3,809	6.4	1.5	18.4%	25.4%
VIB	Ngân hàng	22.2	-1.80%	1.2	2,213	5.8	3,315	6.7	1.5	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	18.2	-1.10%	1.3	1,570	4.4	2,050	8.9	1.2	28.7%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.3	-0.70%	1.2	1,124	2.8	2,310	6.2	0.9	29.6%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.2	-1.40%	1.1	1,245	8.1	1,147	15.9	1.4	3.6%	10.1%
HCM	Chứng khoán	30.5	2.70%	1.6	844	20.4	1,175	25.9	2.5	32.2%	8.3%
VCI	Chứng khoán	50.0	-1.60%	1.7	860	16.2	1,409	35.5	2.7	20.1%	7.1%
VND	Chứng khoán	21.3	-0.70%	1.6	1,019	15.7	2,057	10.4	1.5	19.7%	13.1%
BSI	Chứng khoán	59.6	1.40%	1.8	475	3.2	2,208	27.0	2.5	39.9%	9.0%
SHS	Chứng khoán	19.3	-1.00%	1.7	617	21.6	1,076	17.9	1.5	9.8%	5.7%
CTD	Xây dựng	71.8	-1.50%	1.2	282	4.2	2,709	26.5	0.8	45.0%	2.3%
HHV	Xây dựng	13.2	0.00%	1.5	214	2.9	833	15.9	0.6	8.5%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.0	-1.20%	1.5	91	2.1	655	18.2	0.9	2.3%	4.6%
SZC	Xây dựng	42.4	-2.60%	1.2	300	3.8	1,514	28.0	2.6	3.3%	13.4%
SIP	Xây dựng	90.5	1.00%	1.3	646	1.2	5,701	15.9	3.8	1.0%	26.9%
PHR	BĐS KCN	59.8	-1.60%	1.1	318	0.8	3,448	17.3	2.1	18.2%	18.3%
DIG	BĐS	29.3	1.40%	1.8	702	28.3	(38)	-763.2	2.3	4.9%	2.1%
CEO	BĐS	19.2	1.10%	1.3	388	6.3	312	61.6	1.6	5.2%	2.4%
KBC	BĐS KCN	31.0	-1.30%	1.6	935	7.6	1,262	24.6	1.2	22.1%	11.7%
VGC	BĐS KCN	54.4	0.00%	1.3	958	1.3	2,746	19.8	2.5	5.3%	12.5%
GVR	BĐS KCN	32.8	-1.60%	1.5	5,155	6.7	628	52.3	2.3	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	24.9	-0.40%	1.6	258	8.4	1,222	20.4	1.2	15.0%	2.3%
BMP	Vật liệu	109.6	0.00%	1.0	352	0.7	11,594	9.5	3.1	84.1%	39.1%
IJC	Hạ tầng	15.0	-0.70%	1.5	223	3.9	865	17.3	1.3	5.3%	10.3%
DXG	BĐS	17.5	1.40%	1.9	496	11.2	420	41.7	0.8	20.1%	1.1%
VRE	Bất động sản	23.2	0.00%	1.2	2,067	11.9	1,966	11.8	1.4	27.9%	12.4%
PDR	Bất động sản	26.5	3.90%	1.8	909	18.0	964	27.5	2.0	6.4%	7.2%
DIG	Bất động sản	29.3	1.40%	1.8	702	28.3	(38)	-763.2	2.3	4.9%	2.1%
HUT	Xây dựng	18.2	4.60%	1.4	638	5.5	73	249.1	1.4	0.0%	0.7%
C4G	Xây dựng	10.2	2.00%	1.4	-	0.6	433	23.5	1.0	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	65.0	-1.40%	1.6	113	2.0	4,370	14.9	1.9	3.8%	16.1%
DHC	Hóa chất	40.9	1.10%	1.1	129	1.2	3,461	11.8	1.7	37.7%	17.2%
DRC	Cao su	33.6	-1.30%	0.7	157	3.0	2,286	14.7	2.1	12.8%	13.2%
PC1	Điện	28.0	-1.40%	1.3	342	6.1	651	42.9	1.2	7.0%	4.1%
HDG	BĐS	33.0	2.20%	1.4	396	13.4	2,061	16.0	1.3	18.0%	12.9%
GEX	Điện	22.7	-2.60%	1.9	759	13.8	625	36.3	0.9	9.6%	4.1%
QTP	Điện	16.6	-1.20%	0.6	-	0.2	1,549	10.7	1.4	1.2%	10.8%
PLX	O&G	37.7	0.50%	1.0	1,882	2.3	2,570	14.7	1.6	17.6%	10.7%
BSR	O&G	21.6	8.00%	1.1	-	24.5	2,588	8.3	1.2	0.0%	15.6%
PLC	O&G	29.5	0.70%	1.5	94	0.7	1,112	26.5	1.8	0.4%	8.4%
ANV	Thủy sản	31.8	-1.40%	1.4	166	3.0	(252)	-125.7	1.5	1.5%	1.5%
PTB	Gỗ	69.4	-0.90%	0.7	182	0.8	4,765	14.6	1.7	25.0%	10.6%
VSC	Logistics	21.8	-1.60%	1.4	228	5.1	532	40.9	1.7	0.0%	6.2%
HAH	Logistics	43.2	-2.30%	1.4	179	12.2	3,081	14.0	1.4	4.2%	12.1%
VTP	Logistics	81.0	-1.90%	1.3	388	5.6	2,980	27.2	6.0	7.2%	25.6%
DBC	Logistics	34.4	-2.00%	1.7	327	15.9	1,729	19.9	1.8	10.1%	0.5%
FRT	Bán lẻ	162.0	-1.20%	0.8	867	5.3	(2,548)	-63.6	10.8	35.8%	11.8%
QNS	Bán lẻ	49.0	-0.40%	0.7	-	1.7	6,737	7.3	2.0	15.2%	27.3%
TNG	Dệt may	25.6	-2.30%	1.2	114	4.1	1,981	12.9	1.6	20.4%	12.5%
PVT	O&G	29.0	-2.70%	0.9	406	9.5	3,150	9.2	1.0	13.0%	14.3%
DPM	Phân bón	36.0	0.40%	1.2	554	4.8	1,372	26.2	1.2	8.4%	4.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 04/2024_SBV chủ động thực hiện các biện pháp ổn định tỷ giá và lãi suất	x		Click
2	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639